

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 2 – ĐẮK LẮK**  
Bản án số: 58/2026/HS-ST  
Ngày 21 tháng 07 năm 2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐẮK LẮK**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Quốc Chính

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Trọng Thảo

Ông Đặng Văn Tinh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Tiến Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Hồng Hương – Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2026/TLST-HS ngày 08 tháng 07 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 07 năm 2026 đối với bị cáo:

**Phùng Văn T;** Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 2002, tại tỉnh Cao Bằng; Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã K, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 0/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Tin lành; Con ông: Không xác định rõ và con bà: Phùng Mùi D – SN: 1980; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 29/05/2026 đến nay, tại Trại tạm giam số 1 - Công an tỉnh Đ (Bị cáo có mặt).

**- Người bào chữa cho bị cáo T:** Ông **Phùng Văn H** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T3 tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

**- Người bị hại:**

Anh **Nguyễn Đăng N** – SN: 2000

Địa chỉ: Buôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh **Nguyễn Minh Đ** – SN: 1989

Địa chỉ: Buôn N, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Anh **Triệu Tiến Đ1** – SN: 2005

Địa chỉ: Thôn G, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Anh **Nguyễn Văn T1** - SN: 1980

Địa chỉ: Thôn D, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 25/05/2021, Triệu Tiến Đ1 và Phùng Văn T đã bàn bạc thống nhất với nhau sẽ đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác mang đi bán. Khoảng 08 giờ, ngày 25/5/2021, Đ1 cùng T đi đến một cơ sở kinh doanh dịch vụ Internet thuộc buôn C, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là buôn C, xã E, tỉnh Đắk Lắk) thì gặp anh Nguyễn Đăng N, trú tại: Buôn A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là buôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk) đang chơi điện tử tại đây. Lúc này, Đ1 nói T đứng trước cửa tiệm Internet chờ còn Đ1 vào tiệm Internet gặp anh N để hỏi

mượn xe mô tô nhằm chiếm đoạt. Khi mượn xe, Đ1 nói dối với anh N rằng Đ1 mượn xe của anh N để chở T đi ăn bún. Do có quen biết với Đ1 từ trước nên anh N tin tưởng giao chiếc xe gắn máy nhãn hiệu ESPERO, biển số 47AB-956.80 của anh N cho Đ1. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe trên, chiều ngày 26/05/2021 Đ1 điều khiển xe chở T đi đến tiệm sửa xe máy của ông Nguyễn Minh Đ, trú tại: Buôn N, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (nay là buôn N, xã E, tỉnh Đắk Lắk) rồi bán chiếc xe trên cho ông Đ với giá 3.800.000 đồng. Do trong cốp xe có sẵn Giấy chứng nhận đăng ký của xe gắn máy biển số 47AB- 956.80 mang tên anh Nguyễn Đăng N, nên Đ1 đã nói dối với ông Đ rằng mình tên là N để ký vào giấy mua bán chiếc xe trên do ông Đ viết tay. Sau khi bán chiếc xe trên cho ông Đ, Đ1 và T đón xe buýt lên thành phố B rồi chia nhau số tiền 3.800.000 đồng, để mua sắm và tiêu xài cá nhân hết. Ngoài ra, trước khi bán chiếc xe gắn máy biển số 47AB-956.80 của anh N cho ông Đ, Đ1 và T phát hiện ra trong cốp xe có số tiền 327.000 đồng nên Đ1 và T chiếm đoạt luôn số tiền trên của anh N.

Quá trình làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra Phùng Văn T là người bỏ nhà đi sống lang thang từ nhỏ, không mang theo giấy tờ tùy thân và cũng không nhớ rõ tên, tuổi của mình nên khi làm việc với Cơ quan điều tra Công an huyện E, T khai họ tên của mình là Đặng Văn T2, sinh năm 2003, nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn B, xã E, tỉnh Đắk Lắk). Sau khi làm việc với Cơ quan điều tra thì T2 đã bỏ đi khỏi địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định truy nã Phùng Văn T đến ngày 29/5/2026 thì bị bắt. Đối với Triệu Tiến Đ1 ngày 05/05/2022 đã bị truy tố và xét xử tại Bản án hình sự số: 32/2022/HS-ST ngày 05 tháng 05 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt Triệu Tiến Đ1 01 năm tù và xử lý về vật chứng.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ: 01 chiếc xe gắn máy biển số 47AB-956.80, kèm theo bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Đăng N từ ông Nguyễn Minh Đ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐGTS, ngày 02/08/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong số tụng hình sự huyện E xác định chiếc xe gắn máy nhãn hiệu ESPERO, biển số 47AB-956.80 có giá trị là 3.000.000 đồng.

Cáo trạng số: 27/CT-VKS-KV2 ngày 07 tháng 07 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk truy tố Phùng Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra.

Tại phiên tòa ông Phùng Văn H người bào chữa cho bị cáo Phùng Văn T nhất trí với tội danh, điều luật áp dụng mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Về hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là hơi nghiêm khắc so với hành vi của bị cáo, bởi bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự như: Thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội gây thiệt hại không lớn và với vai trò thứ yếu, là người dân tộc thiểu số nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự như cân nhắc cho bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk tại phiên tòa đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phùng Văn T như nội dung bản cáo trạng và đưa ra các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo.

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Phùng Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phùng Văn T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

Về vật chứng: Đã được xử lý tại Bản án hình sự số: 32/2022/HS-ST ngày 05 tháng 05 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk nên không xem xét xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến đối đáp tranh luận gì thêm, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Xét việc vắng mặt của người bị hại anh Nguyễn Đăng N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh Đ, anh Triệu Tiến Đ1, anh Nguyễn Văn T1 tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung, hành vi: Tại phiên tòa bị cáo Phùng Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, vào ngày 25/05/2021, tại buôn C, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, nay là buôn C, xã E, tỉnh Đắk Lắk, Phùng Văn T và Triệu Tiến Đ1 đã nói dối anh Nguyễn Đăng N về việc mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, biển số 47AB-956.80 để đi ăn bún nhưng sau khi mượn được xe thì T và Đ1 đã mang chiếc xe trên cùng giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy mang tên Nguyễn Đăng N đến tiệm sửa xe máy của ông Nguyễn Minh Đ tại buôn N, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, nay là buôn N, xã E, tỉnh Đắk Lắk bán xe cho ông Đ với giá tiền 3.800.000 đồng rồi chia nhau tiêu xài cá nhân hết. Tại Kết luận định giá tài sản chiếc xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, biển số 47AB-956.80 có giá trị là 3.000.000 đồng. Ngoài ra T và Đ1 còn chiếm đoạt số tiền mặt 327.000 đồng của anh N để trong cốp xe. Tổng số tài sản Phùng Văn T và Triệu Tiến Đ1 chiếm đoạt của anh N là 3.327.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk về tội danh truy tố, mức hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ phù hợp với pháp luật.

4] Xét quan điểm của người bào chữa cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án bằng mức án thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị. Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo ham chơi, lười lao động, sống lang thang, khi phạm tội bị phát hiện đã bỏ trốn và bị truy nã nên không chấp nhận đề nghị của người bào chữa. Về án phí xét thấy bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nên chấp nhận yêu cầu của người bào chữa miễn án phí cho bị cáo.

[5] Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phùng Văn T đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

[6] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nó không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, bị cáo là người có đủ năng lực hành vi để nhận thức được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ai xâm phạm bất hợp pháp sẽ bị pháp luật nghiêm trị nhưng xuất phát từ động cơ muốn có tiền tiêu sài nhưng lười lao động nên bị cáo đã có hành vi cùng với Đ1, đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt của anh Nguyễn Đăng N 01 xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, biển số 47AB-956.80 trị giá 3.000.000 đồng và số tiền 327.000 đồng để trong cốp xe, với tổng số tiền chiếm đoạt là 3.327.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải xử phạt bị cáo với mức án đủ nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có đủ điều kiện cải tạo thành người có ích cho xã hội.

[7] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

[8] Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội gây thiệt hại không lớn, tham gia với vai trò thứ yếu, là người dân tộc thiểu số, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự như. Hội đồng xét xử cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, cũng thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

Đối với ông Nguyễn Minh Đ, ông Nguyễn Văn Thế L người mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47AB-956.80 do bị cáo T và Triệu Tiên Đ1 chiếm đoạt của anh Nguyễn Đăng N1, quá trình điều tra xác định anh Đ, anh T1 không biết chiếc xe trên là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát không đề cập xử lý là phù hợp.

[9] Các biện pháp tư pháp:

Về vật chứng: Đã được xử lý tại Bản án hình sự số: 32/2022/HS-ST ngày 05 tháng 05 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk nên không xem xét giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí: Xét thấy bị cáo Phùng Văn T là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Phùng Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phùng Văn T 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày bắt tạm giam ngày 29/05/2026.

**Các biện pháp tư pháp:**

**Về vật chứng:** Đã được xử lý tại Bản án hình sự số: 32/2022/HS-ST ngày 05 tháng 05 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk nên không xem xét giải quyết.

**Về trách nhiệm dân sự:** Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

**Về án phí:** Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phùng Văn T.

**Quyền kháng cáo:** Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nội nhận:**

**PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 2 - Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THA khu vực 2 - Đắk Lắk;
- UBND xã E;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**

(đã ký)

Lưu Quốc Chính